TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Tân Hiệp
Tỉnh Kiên Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/HNGĐ- ST
Ngày 27/04/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**
Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Ngọc Chúc**
2. Ông Ngô Rô Be
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 27 tháng 04 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2021 về vụ kiện: "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Việt T**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: ấp P H, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

***- Bị Đơn*:** Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P H, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Việt T trình bày: tôi và cô Nguyễn Thị K chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống, tôi và cô K có quen biết và có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm và đi đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, tôi có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau và sau đó tôi đã nhận ra lỗi lầm và sửa đổi bản thân nhưng vợ tôi không cho tôi cơ hội, hiện nay tôi và cô K đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng đã đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung gồm:

1/ Cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 13/08/2010.

2/ Cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 22/06/2013

3/ Cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/04/2018

Các cháu hiện đang chung sống với vợ chồng tôi.

- Về tài sản chung: không có.

- Về phần nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa anh T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi xin được ly hôn với cô Nguyễn Thị K.

Về quan hệ con chung: Tôi yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 13/08/2010, giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 22/06/2013 và cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/04/2018 cho cô K nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

*** Bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày**: Theo bản tự khai ngày 19/04/2021 của chị K trình bày: chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Việt T chung sống với nhau vào năm 2008, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện không cưỡng ép.

Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, anh T có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến không thể hoà giải.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung gồm:

1/ Cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 13/08/2010.

2/ Cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 22/06/2013

3/ Cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/04/2018

Các cháu hiện đang chung sống với vợ chồng tôi.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

Tại Tòa án chị K yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Việt T.

Về quan hệ con chung: Tôi đồng ý nhận nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 22/06/2013 và cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/04/2018, đồng thời tôi giao cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 13/08/2010 cho anh T nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** chị Nguyễn Thị K với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị K vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong các trường hợp sau đây: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của họ vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy chị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và chị K đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị K là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét mối quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Việt T và chị Nguyễn Thị K là vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi vì anh T và chị K chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Theo khoản 1, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Ngoài ra các bên nếu có yêu cầu giải quyết về con cái và tài sản thì Tòa án áp dụng Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chính vì vậy xác định mối quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị K không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì anh T và chị K chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị K là vợ chồng là có cơ sở.

[3] **Về quan hệ con chung:** Anh T yêu cầu xin được nhận nuôi cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 13/08/2010, đồng thời giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 22/06/2013 và cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/04/2018 cho chị K nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy giao cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 13/08/2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 22/06/2013 và cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/04/2018 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Theo bản tự

khai ngày 19/04/2021 thì chị K cũng đồng ý nhận chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Mỹ T và cháu Nguyễn Việt T, đồng thời giao Nguyễn Việt T cho anh T nuôi dưỡng. Mặt khác do cháu T hiện nay 10 tuổi, nguyện vọng của cháu T là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu T sẽ sống với cha. Tuy nhiên cháu T hiện nay 07 tuổi và nguyện vọng của cháu T là khi cha mẹ cháu ly hôn thì cháu T sẽ sống với mẹ, anh T và chị K không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy được Hội đồng xét xử ghi nhận. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung**: do anh T và chị K không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: anh Nguyễn Việt T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008279 ngày 16/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Việt T và chị Nguyễn Thị K là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Việt T và chị Nguyễn Thị K. Giao cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 13/08/2010 cho anh Nguyễn Việt T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Đồng thời giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T sinh ngày 22/06/2013 và cháu Nguyễn Việt T, sinh ngày 12/04/2018 cho chị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh T và chị K không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai có quyền cản trở việc tới lui thăm nom con chung.

3. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Việt T nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008279 ngày 16/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Anh T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh Nguyễn Việt T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho chị Nguyễn Thị K biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật